

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/11

ĐT1.110,

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐT1.110

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TSA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110320003	Trương Văn	Điều	30/11/2001	Nam	8,3	3,8	6,1	001	<u>Anh</u>	
2	110322002	Nhan Đỗ Anh	Kiệt	08/07/2004	Nam	9,8	6,3	8,1	002	<u>Anh</u>	
3	110322003	Lê Nguyễn Phúc	An	18/02/2004	Nam	8,0	5,8	6,9	003	<u>Anh</u>	
4	110322004	Sơn Thị Kim	Anh	01/03/2004	Nữ	8,3	4,8	6,6	004	<u>Anh</u>	
5	110322005	Trần Nhật	Anh	16/01/2004	Nam	7,5	5,3	6,4	005	<u>Anh</u>	
6	110322006	Cô Gia	Bảo	06/09/2004	Nam	8,5	4,3	6,4	006	<u>Anh</u>	
7	110322007	Bùi Nhã	Ca	01/01/2004	Nữ	8,3	5,0	6,7	007	<u>Anh</u>	
8	110322010	Mai Thành	Công	30/11/2004	Nam	4,5	5,3	4,9	008	<u>Anh</u>	
9	110322012	Thạch Thành	Đạt	10/10/2004	Nam	9,5	4,8	7,2	009	<u>Anh</u>	
10	110322013	Đặng Trung	Dặng	11/05/2004	Nam	10,0	4,8	7,4	010	<u>Anh</u>	
11	110322014	Huỳnh Thị Phương	Du	20/08/2004	Nữ	8,3	3,8	6,1	011	<u>Anh</u>	
12	110322015	Thạch Phan	Dựng	07/11/2004	Nam	8,3	4,8	5,8	012	<u>Anh</u>	5.1
13	110322016	Ngô Tấn	Duy	10/09/2004	Nam	10,0	5,8	7,9	013	<u>Anh</u>	
14	110322018	Nguyễn Nhật	Duy	17/10/2004	Nam	9,3	3,3	6,3	014	<u>Anh</u>	
15	110322019	Phan Nhật	Duy	26/07/2004	Nam	8,0	3,5	5,8	015	<u>Anh</u>	
16	110322021	Trần Văn Vũ	Duy	13/12/2004	Nam	8,0	3,5	5,8	016	<u>Anh</u>	
17	110322023	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/08/2003	Nữ	9,0	6,3	7,7	017	<u>Anh</u>	
18	110322024	Trần Trường	Giang	29/03/2004	Nam	9,8	5,5	7,7	018	<u>Anh</u>	
19	110322025	Nguyễn Ngọc	Hân	03/03/2004	Nữ	10,0	6,5	8,3	019	<u>Anh</u>	
20	110322026	Nguyễn Ngọc	Hân	25/03/2004	Nữ	8,3	4,3	6,3	020	<u>Anh</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Thị Lan

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/11

ĐT 1.111

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TSA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐT 1.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110322029	Trương Huy Hoàng	09/01/2004	Nam	10,0	7,5	8,8	001			
2	110322030	Dư Phương Huy	20/09/2004	Nam	8,5	7,0	7,8	002			
3	110322031	Ngô Văn Huy	12/04/2004	Nam	7,5	4,0	5,8	003			
4	110322032	Đỗ Quốc Khải	04/10/2004	Nam	8,0	5,3	6,7	004			
5	110322033	Huỳnh Quốc Khang	09/02/2004	Nam	9,3	4,8	7,1	005			
6	110322034	Bùi Tuấn Khanh	22/05/2004	Nam	8,8	6,0	7,4	006			
7	110322035	Hà Văn Khâu	30/08/2004	Nam	9,0	4,3	6,7	007			
8	110322036	Bùi Đăng Khoa	25/08/2004	Nam	8,3	5,0	6,7	008			
9	110322037	Lê Minh Khoa	27/03/2004	Nam							
10	110322038	Lê Trọng Khỏe	07/11/2004	Nam	8,8	5,3	7,1	010			
11	110322040	Huỳnh Tuấn Kiệt	03/01/2004	Nam	8,8	2,8	5,8	011			
12	110322042	Nguyễn Thanh Kiệt	08/01/2003	Nam	9,3	4,0	6,9	012			
13	110322043	Phan Quốc Kiệt	21/05/2004	Nam							
14	110322044	Trần Tuấn Kiệt	09/03/2004	Nam	9,8	4,3	7,1	014			
15	110322045	Trần Thị Hoa Lài	05/09/2004	Nữ	8,3	4,5	6,4	015			
16	110322046	Lê Thị Ngọc Linh	23/10/2004	Nữ	8,3	4,3	6,3	016			
17	110322054	Bùi Thanh Ngân	21/11/2004	Nam	8,3	5,0	6,7	017			
18	110322063	Trần Thúy Oanh	20/04/2001	Nữ	9,3	6,3	7,8	018			
19	110322091	Trần Thị Yên	07/02/2004	Nữ	8,8	5,8	7,3	019			
20	110322104	Phùng Thị Trinh	09/07/2004	Nữ	8,0	4,5	6,3	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn T Ngân Hà

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TSA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110322105	Võ Ngọc Tuyền	22/04/2004	Nữ	8,5	4,8	6,7	021	<u>Thue</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 1.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 1.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1.....

Tổng số tờ: 1.....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngân Hà

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thak

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TSB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/01/2024Phòng thi: DT1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110322008	Nguyễn Quốc Chí	24/04/2004	Nam	8,3	4,3	6,3	002	Chí		
2	110322041	Lê Quốc Kiệt	11/05/2004	Nam	6,0	4,5	5,3	001	Kiệt		
3	110322047	Nguyễn Tấn Lộc	12/06/2004	Nam	7,5	4,5	6,0	003	Lộc		
4	110322048	Lê Tấn Lợi	20/03/2004	Nam	7,5	4,3	5,9	004	Lợi		
5	110322053	Sơn Thị Tuyết Minh	19/10/2004	Nữ	9,3	2,5	5,9	005	Minh		
6	110322055	Lê Phước Nghĩa	13/02/2004	Nam	8,3	3,3	5,8	006	Nghĩa		
7	110322056	Kim Thị Nguyên	24/12/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	007	Nguyên		
8	110322057	Tô Chí Nguyên	26/08/2004	Nam	5,0	4,0	4,5	008	Chí		
9	110322058	Huỳnh Trọng Nhân	23/03/2004	Nam	8,0	4,8	6,4	009	Nhân		
10	110322062	Vô Văn Núi	17/10/2004	Nam	8,5	4,3	6,4	010	Núi		
11	110322064	Trần Phú	19/05/2004	Nam	8,3	4,3	6,3	011	Phú		
12	110322065	Hồ Chí Tâm	14/05/2004	Nam	4,5	3,0	3,8	012	Tâm		
13	110322066	Huỳnh Quốc Thái	02/12/2004	Nam	7,8	3,3	5,6	013	Thái		
14	110322067	Lâm Huỳnh Khắc Thi	04/11/2004	Nam	8,3	5,3	6,8	014	Thi		
15	110322068	Lâm Hưng Thịnh	27/02/2004	Nam	8,3	4,5	6,4	015	Thịnh		
16	110322072	Lê Thị Cẩm Tiên	23/04/2004	Nữ	8,3	2,3	5,3	016	Tiên		
17	110322073	Võ Minh Tiến	12/12/2004	Nam	9,3	3,0	6,2	017	Tiến		
18	110322074	Trần Bửu Toàn	24/02/2004	Nam	7,0	3,3	5,2	018	Toàn		
19	110322077	Nguyễn Thị Huyền Trân	30/10/2004	Nữ	9,0	5,3	7,2	019	Trân		
20	110322082	Từ Thị Cẩm Tú	18/02/2004	Nữ	8,8	4,3	6,6	020	Tú		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Anh DuyênCán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TSB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18 / 01 / 2024

Phòng thi: DT1. 11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110322086	Diệp Quang	Vinh	03/02/2004	Nam	8,0	3,5	5,8	014		
2	110322088	Lâm Gia	Vy	14/05/2004	Nữ	8,3	5,8	7,1	015		
3	110322092	Phạm Thị Kiều	Anh	21/09/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	016		
4	110322093	Sơn Đông	Đầy	09/02/2004	Nam	9,0	4,8	6,9	017		
5	110322095	Lê Trường	Duy	08/10/2004	Nữ	8,5	4,0	6,3	018		
6	110322096	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	11/11/2003	Nữ	8,8	2,8	5,8	019		
7	110322099	Hà Quốc	Kiệt	29/09/2004	Nam	5,5	3,5	4,5	020		
8	110322102	Thạch Hoàng	Thái	19/08/2003	Nam	8,0	3,3	5,7	021		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thái Cao D. Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thái

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/1
D71.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22NNTQ

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118722001	Lý Thị Loan	Anh	18/12/2003	Nữ	8,5	3,0	5,8	001	<u>AT</u>	
2	118722005	Trần Thị Anh	Đào	13/06/2004	Nữ	9,0	3,5	6,3	002	<u>AT</u>	
3	118722010	Nguyễn Thị Kim	Huê	21/08/2004	Nữ	—	—	—	—	—	Cán Hu
4	118722016	Bùi Thị Cẩm	Ly	12/05/2003	Nữ	8,5	4,3	6,4	004	<u>Cán</u>	
5	118722024	Lý Kiều	Phương	04/12/2004	Nữ	8,5	6,3	7,4	005	<u>Me</u>	
6	118722029	Mai Ngọc Băng	Tâm	09/11/2004	Nữ	9,8	4,0	6,9	006	<u>goc</u>	
7	118722031	Kim Thị Phương	Thảo	22/09/2004	Nữ	8,5	3,3	5,9	007	<u>Pho</u>	
8	118722032	Trần Thị Hồng	Thảo	30/05/2004	Nữ	8,5	3,5	6,0	008	<u>Thao</u>	
9	118722037	Nguyễn Phạm Huê	Trân	22/05/2004	Nữ	8,5	4,0	6,3	009	<u>g</u>	
10	118722041	Thạch Thị Bé	Ngân	30/10/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	010	<u>gan</u>	
11	118722042	Lâm Thị Yến	Nhi	05/06/2004	Nữ	9,3	4,5	6,9	011	<u>Thy</u>	
12	118722046	Nguyễn Hoàng	Vũ	28/12/2004	Nam	8,5	3,5	6,0	012	<u>h</u>	
13	118722047	Nguyễn Thị Như	Ý	18/03/2004	Nữ	9,0	6,3	7,7	013	<u>nhu</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: nhu

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao D. Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

1811
D71-114

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA21TTC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Độc luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 01 / 2024

Phòng thi: D71-114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121163	Thạch Minh Thắng	17/01/2002	Nam							Cán H

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Võ Thu An

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đào Cao Dương Phương Lan

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22DB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Tra cứu nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 01 / 2024

Phòng thi: D71-114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622137LT	Lê Thị Anh Thi	04/11/1999	Nữ	10,0	7,8	8,9	002	<u>Thi</u>		
2	115622138LT	Nguyễn Hữu Bích Vy	13/09/2000	Nữ	8,0	5,3	6,7	003	<u>Vy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Võ Thu An

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22DT

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18 / 01 / 2024

Phòng thi: 07-111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115222014	Chương Thái Bảo	20/06/2004	Nam	7,75	5,3	6,6	013			
2	115222016	Võ Hồng Phúc	20/01/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	014			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

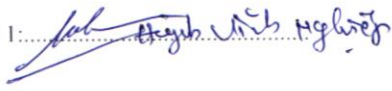
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: 

Cán bộ ghi điểm: 

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: 

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22KDC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122120	Cao Minh Thiện	01/07/2000	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>Cao Minh Thiện</u>	<u>Cam kết</u>
2	112122167	Ứng Văn Vũ	04/02/2004	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>Cam kết</u>	<u>Cam kết</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ:

Điểm QT: 90 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TMDT
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Tuần nguyên
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28 / 01 / 2024
Phòng thi: 071114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117622014	Nguyễn Giang Hoàng Mi	18/10/2004	Nữ	7,0	3,8	5,4	005	<u>mi</u>		
2	117622015	Lý Nhật	25/12/2004	Nam						<u>Cam</u>	<u>Kieu</u>
3	117622018	Lâm Quang Anh	17/06/2004	Nam	7,0	3,0	5,0	007	<u>anh</u>		
4	117622025	Nguyễn Huy	18/01/2004	Nam	7,0	4,0	5,5	008	<u>huy</u>		
5	117622031	Trần Trí	04/01/2004	Nam	7,0	5,0	6,0	009	<u>tr</u>		
6	117622036	Lâm Nhật	13/08/2004	Nam						<u>Cam</u>	<u>Kieu</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06..
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06..
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06..
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Võ Thu An

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/01/2024

Phòng thi: 071124

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322068	Hồ Ngọc Quang	28/11/2004	Nam	<u>/</u>			<u>/</u>	<u>/</u>	<u>Cần Hải</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Đuyl Cao Đình Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

